

GIỚI THIỆU TIẾN BỘ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ MỚI

1. Tên tiến bộ kỹ thuật

“Kỹ thuật quản lý vật liệu hữu cơ sau khai thác và sử dụng phân lân trong trồng rừng keo ở các chu kỳ sau tại Trung Bộ và Đông Nam Bộ”

2. Quyết định công nhận

Số 195^a/QĐ-TCLN-KHCN&HTQT ngày 16/5/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp.

3. Tập thể tác giả

Phạm Thế Dũng, Kiều Tuấn Đạt, Vũ Đình Hương, Lê Thanh Quang, Phạm Văn Bốn và Nguyễn Thanh Bình

Cơ quan: Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Bộ

Địa chỉ: số 01, đường Phạm Văn Hai, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.38441496; Fax: 08.38448690;
E - mail: viennambo@vafs.gov.vn

4. Nguồn gốc của tiến bộ kỹ thuật

Tiến bộ kỹ thuật là một phần của kết quả nghiên cứu khoa học thuộc đề tài nghiên cứu cấp Bộ (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) “*Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật bảo vệ và nâng cao năng suất rừng trồng bạch đàn, keo ở các luân kỳ sau*”. Thời gian thực hiện 2008 - 2012.

4.1. Kỹ thuật giữ lại vật liệu hữu cơ sau khai thác

Vật liệu hữu cơ sau khai thác (VLHCSKT) bao gồm:

- Tất cả cành, nhánh, ngọn cây có đường kính ≤ 5 cm, lá cây sau khi khai thác rừng đã lấy đi phần chính (phần thương phẩm) của cây;

- Cây bụi, thảm tươi dưới tán rừng trồng. Tất cả được cắt ngắn ≤ 1 m và rải đều trên mặt đất.

Quy trình áp dụng:

- Khi khai thác rừng luân kỳ trước, chỉ khai thác phần sản phẩm chính bao gồm cây gỗ, cành lớn có đường kính > 5 cm.

- Để lại tất cả vật liệu hữu cơ sau khai thác (VLHCSKT) bao gồm: cành nhánh, cây nhỏ có đường kính ≤ 5 cm, lá cây, cây bụi dưới tán rừng, kể cả vỏ cây sau khi lấy thân cây nếu làm nguyên liệu giấy.

- Tất cả VLHCSKT trên được chặt và cắt ngắn khoảng ≤ 1 m, sau đó rải đều trên toàn bộ diện tích dự kiến trồng rừng, không chất thành đống lớn.

- Hạn chế sử dụng xe tải nặng, máy móc vận chuyển đi vào rừng trong quá trình khai thác để tránh làm “nén” đất.

- Tuyệt đối không đốt VLHCSKT.

- Căn cứ vị trí cây đã được thiết kế trồng, tạo khoảng đất trống không có VLHCSKT với bán kính 50 cm từ tâm hố trồng, để cuốc hố, bón lót phân.

4.2. Kỹ thuật bón phân lân

- Lượng Lân quy đổi ra nguyên tố tối đa khoảng 50kg lân/ha, tương ứng với khoảng 684kg phân thương phẩm Sunphua lân P_2O_5 có tỷ lệ lân 16,5%. Căn cứ số cây trồng/ha, lượng phân này sẽ chia đều cho số cây để bón. Với mật độ trồng rừng từ 1111 - 1333 cây/ha, lượng phân bón tối đa khoảng: 500 - 600g/cây.

- Kỹ thuật bón: Khi bón, trộn đều hỗn hợp đất và phân, lấp đất trở lại trước khi trồng 5 - 10 ngày.

- Không di chuyển, thu dọn vật rụng dưới tán rừng, thực vật, cây bụi chết, cành lá cây, quả khô... tất cả để lại dưới tán rừng trồng trong suốt luân kỳ. Không sử dụng biện pháp “đốt trước” dưới tán rừng để phòng chống cháy hàng năm. Bảo vệ rừng tránh nguy cơ cháy rừng nhất là vào năm đầu tiên khi VLHCSKT chưa phân hủy hết.

5. Đối tượng áp dụng

- Rừng trồng các loài Keo lá trà, keo lai và các loài keo tương tự khác.
- Rừng trồng mục đích cung cấp nguyên giấy, dăm và gỗ nhỏ.
- Đất trồng rừng các loại đất Feralit xám hoặc xám vàng, phát triển trên phiến thạch sét hoặc phù sa cổ.

6. Điều kiện áp dụng

- Rừng trồng hiện có chuẩn bị khai thác để trồng lại luân kỳ sau hoặc rừng tự nhiên nghèo kiệt được chuyển đổi để trồng rừng mới. Khi khai thác, sẽ sử dụng VLHCSKT để bảo vệ đất.
- Mức bón tối đa không vượt quá 50kg lân (nguyên tố) hoặc phân lân P_2O_5 (16%) tương đương 300g/cây đối với Keo lá trà và 555g/cây đối với keo lai.

7. Phạm vi áp dụng TBKT

Rừng trồng các loài keo (Keo lá trà, keo lai) ở các tỉnh miền Trung và Đông Nam Bộ.